TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2023/QĐST- KDTM	*Tiên Lãng, ngày 05 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2023, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2023/TLST- KDTM ngày 04 tháng 4 năm 2023,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (viết tắt là S); địa chỉ: 198 T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T– Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đình N – Chuyên viên cao cấp Xử lý nợ (Giấy ủy quyền ngày 15/4/2020).

- *Bị đơn*: Vợ chồng anh Phạm Văn T, sinh năm 19xx – chị Trần Thị T, sinh năm 19xx; cùng nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; *Người đại diện theo ủy quyền cho anh Phạm Văn T*: Chị Trần Thị T, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng (theo giấy ủy quyền ngày 24/6/2023).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Vợ chồng anh Phạm Văn T, chị Trần Thị T phải trả cho S, số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng từng lần số: REF1828200316/HDTD/LECHAN-PVT ký ngày 11/10/2018 và Giấy nhận nợ số REF1828200316 ký ngày 12/10/2018, tạm tính đến ngày 27/6/2023 là 1.211.810.456 (Một tỷ hai trăm mười một triệu tám

trăm mười nghìn bốn trăm năm mươi sáu) đồng; trong đó, nợ gốc: 726.735.863 đồng; nợ lãi trong hạn: 6.188.488 đồng; nợ lãi quá hạn: 478.886.105 đồng.

Vợ chồng anh Phạm Văn T, chị Trần Thị T phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản tiền nợ gốc chưa trả kể từ ngày 28/6/2023 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ trên theo mức lãi suất do hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng từng lần số: REF1828200316/HDTD/LECHAN-PVT ký ngày 11/10/2018 và Giấy nhận nợ số REF1828200316 ký ngày 12/10/2018.

- Về xử lý tài sản bảo đảm:

Trong trường hợp vợ chồng anh Phạm Văn T, chị Trần Thị T vi phạm bất kỳ kỳ hạn trả nợ nào nêu trên, S có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Tài sản bảo đảm gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với diện tích đất 624,0 m^2, thửa đất số 07, tờ bản đồ số 14, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 905730, số vào sổ cấp GCN: CH02118 do Uỷ ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng cấp ngày 25/5/2017 cho ông Phạm Văn T; theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (Tài sản bảo đảm là bất động sản), đã ký ngày 11/10/2018 giữa bên thế chấp là ông Phạm Văn T và bên nhận thế chấp là S.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được sử dụng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng anh Phạm Văn T, chị Trần Thị T cho S. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì vợ chồng anh Phạm Văn T, chị Trần Thị T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho S. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm còn thừa thì được trả cho bên thế chấp.

- Về án phí: Vợ chồng anh Phạm Văn T, chị Trần Thị T phải chịu cả án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 24.177.000 (Hai mươi tư triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn) đồng [36.000.000 đồng + (411.810.456 đồng x 3%)] x 50%. Trả lại S 22.548.000 (Hai mươi hai triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn) đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0006447 ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Về chi phí tố tụng: Vợ chồng anh Phạm Văn T, chị Trần Thị T nhận chịu cả chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Chi